

Số: 996/BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 lĩnh vực ngành nông nghiệp và PTNT, tháng 5/2017.

Thực hiện Kế hoạch số 40-KH/TU ngày 28/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang về giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020; Văn bản số 2808/UBND-TH ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh về việc báo cáo để phục vụ công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp-thủy sản và phát triển nông thôn, tháng 5 năm 2017, như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Ban hành Kế hoạch thực hiện Thông báo số 443-TB/TU ngày 28/3/2017 của Thường trực Tỉnh ủy Tuyên Quang tại buổi làm việc với Sở Nông nghiệp và PTNT. Rà soát, đánh giá kết quả 01 năm thực hiện Nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 5 năm 2017

1. Về đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, tập trung các khâu đột phá

1.1. Nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới

1.1.1. Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (*khóa XVI*) về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025 và Kế hoạch số 110-KH/TU ngày 08/8/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*khóa XV*) thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (*khóa X*) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn:

a) Công tác tuyên truyền: Sở tiếp tục tuyên truyền và chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc tập trung triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành và phát triển nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn tỉnh; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nội dung công việc trong chương trình công tác của tỉnh, nhiệm vụ trọng tâm của Sở năm 2017 và các việc thực hiện theo Thông báo Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy.

b) Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp:

*** Trồng trọt:**

Phối hợp với các huyện, thành phố đơn đốc nhân dân tập trung gieo trồng và chăm sóc cây vụ xuân năm 2017. Rà soát, đánh giá sơ kết sản xuất vụ Đông xuân 2016-2017; triển khai kế hoạch sản xuất vụ mùa, vụ hè thu năm 2017. Vụ Đông Xuân 2016-2017, các cây trồng chính cơ bản đã hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh giao:

- Cây lúa: Diện tích gieo cấy 19.850 ha, đạt 104,3% KH, bằng 99,3% so với vụ Đông Xuân năm 2016, trong đó lúa lai đạt 10.655 ha, đạt 89,3 % KH. Cơ cấu giống: Diện tích lúa lai chiếm 53,7%, nhóm lúa chất lượng đạt 1.534,5 ha, chiếm 7,7% diện tích lúa cấy. Giống lúa BC 15 tuy đã được khuyến cáo không gieo cấy trong vụ xuân nhưng người dân vẫn gieo cấy 3.016 ha, chiếm 32,8% cơ cấu giống lúa thuần, tăng 650 ha so với vụ xuân 2016.

- Cây ngô: Đã gieo trồng 7.639 ha, đạt 102,6% KH, bằng 99,37% so với vụ Xuân năm 2016, trong đó trên ruộng 01 vụ là 2.368 ha. Cơ cấu giống: Các giống chủ lực là NK4300 chiếm 24,8% diện tích gieo trồng, LVN 99 chiếm 17,3%, CP3Q chiếm 11,5%, còn lại là các giống khác.

- Cây lạc: Đã gieo trồng 3.233 ha, đạt 102,2% KH, bằng 100,5% so với vụ Xuân năm 2016, trong đó trên ruộng 01 vụ là 1.862 ha. Cơ cấu giống: chủ lực là giống L14 chiếm 89,4%, Lạc sen chiếm 5,7 diện tích gieo trồng, còn lại là các giống LVT, L23, L18.

Tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết sản xuất mía đường niên vụ 2016-2017, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện niên vụ 2017-2018. Diện tích kế hoạch năm 2017 là 12.283 ha, diện tích thực hiện 10.374 ha, đạt 84,5% kế hoạch, trong đó: Trồng mới 845,6 ha, đạt 73,3% KH; Trồng lại 1.371 ha, đạt 82,0% KH; Diện tích mía lưu gốc 8.157 ha, đạt 86,3 % KH. Diện tích phế canh: 1.696,6 ha (trong đó: Sơn Dương 397,8 ha; TP Tuyên Quang 96,6 ha; Yên Sơn 402,4 ha; Hàm Yên 204,4 ha; Chiêm Hóa 572,5 ha; Na Hang 12,9 ha; Lâm Bình 10 ha). Năng suất mía niên vụ 2016-2017 còn ở mức thấp so với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; vùng mía nguyên liệu của các nhà máy đường năng suất bình quân chỉ đạt 55,4 tấn/ha, trong đó vùng nguyên liệu của nhà máy đường Sơn Dương chỉ đạt 48,7 tấn/ha.

Nguyên nhân: Sự phối hợp giữa Công ty cổ phần Mía đường Sơn Dương với Ban chỉ đạo cấp huyện, xã trong việc tổ chức sản xuất chưa chặt chẽ. Hạn hán kéo dài, tiến độ thu mua mía nguyên liệu vụ ép năm 2016-2017 chậm, kéo dài; chính sách hỗ trợ giá thu mua mía ban hành chậm; thu nhập từ trồng mía chưa thật sự thu hút người dân đầu tư. Một số loại cây ăn quả cho hiệu quả kinh tế cao hơn cây mía nên nhiều hộ trồng mía chuyển đổi từ cây mía sang trồng cây ăn quả. Việc đầu tư thâm canh, chăm sóc chưa đảm bảo quy trình kỹ thuật. Công ty không bố trí đủ diện tích trồng mía giống theo kế hoạch dẫn đến phải sử dụng

mía nguyên liệu làm giống. Việc cải tạo, thay thế những giống bị thoái hóa, có năng suất, chất lượng thấp còn chậm.

*** Chăn nuôi, thủy sản:**

Xây dựng dự thảo hướng dẫn liên ngành, đề xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, cung ứng vật tư phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo gia súc trên địa bàn tỉnh thực hiện Quyết định 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh.

Tham mưu hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tháo gỡ khó khăn trong chăn nuôi lợn. Tiếp tục đôn đốc thực hiện kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm năm 2017. Hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi; công tác quản lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. Rà soát, thống kê các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh có diện tích chuồng trại từ 50 m² trở lên làm cơ sở đề xuất giải pháp quản lý môi trường. Tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phát triển cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ; mô hình nuôi cá tại ao hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với củng cố tổ chức sản xuất và xây dựng thương hiệu, thành lập hợp tác xã sản xuất, kinh doanh cá đặc sản.

*** Lâm nghiệp:** Chỉ đạo các đơn vị trồng rừng trên địa bàn tỉnh tập trung lực lượng thực hiện kế hoạch sản xuất lâm nghiệp năm 2017. Tiến độ thực hiện đến ngày 19/5/2017, toàn tỉnh trồng rừng tập trung được 8.265,3 ha, đạt 72,5%KH, bằng 115,4% so cùng kỳ năm 2016; sản lượng khai thác 205.365m³, đạt 24,3%KH, bằng 65% so cùng kỳ năm 2016.

Đôn đốc các công ty lâm nghiệp thực hiện sắp xếp, đổi mới các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp. Kết quả: Đã có 03/05 công ty đã hoàn thiện phương án sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định (*Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tuyên Bình, Yên Sơn, Sơn Dương*); còn 02 công ty đang hoàn thiện, dự kiến sẽ xong trong tháng 5/2017.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng: Tiếp tục nâng cao năng lực trong lực lượng kiểm lâm để quản lý bảo vệ có hiệu quả tài nguyên rừng, thực hiện kiểm tra, kiểm soát tại các khu rừng trọng điểm, các tuyến giao thông quan trọng; duy trì hoạt động có hiệu quả các tổ công tác liên ngành từ tỉnh đến cơ sở xử lý nghiêm các trường hợp khai thác, vận chuyển gỗ trái phép. Xây dựng đề án trình UBND tỉnh củng cố các trạm, chốt bảo vệ rừng phù hợp với nhu cầu bảo vệ rừng ở các khu rừng trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

c) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất

Phối hợp theo dõi, thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tuyển chọn, nhân giống cam không hạt và nâng cao hiệu quả sản xuất cam: Hiện nay 3 giống cam trồng thử nghiệm (*Cam sành, cam mật, Valencia*) các cây phát triển bình thường; dự án "*Ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo trâu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*".

Vụ Đông Xuân 2017, toàn tỉnh đã thực hiện được 33 mô hình trình diễn áp dụng các giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới. Một số mô hình thử nghiệm giống lúa mới như: Kim Ưu 18 diện tích 30 ha ở Chiêm Hóa, LTH 31 tại Sơn Dương, Nam Hương 4 là 29,5 ha tại thành phố Tuyên Quang và Chiêm Hóa, BC 6 là 5 ha tại Hàm Yên, J02 là 39,7 ha tại Hàm Yên; các giống lúa TEJ vàng, GS999, DDL102, Bắc Hương 9 ...; các mô hình trồng thử nghiệm giống ngô NK6101, NK6253, NK6639, LVN17, LVN669.

d) Phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất

Hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố hướng dẫn các Hợp tác xã chuyển đổi và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Đến nay, toàn tỉnh có 172 Hợp tác xã (*bao gồm 26 HTX thành lập mới, 136 HTX chuyển đổi và 10 HTX chưa chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012*). Trong tháng thành lập 10 mới Hợp tác xã. Hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố cấp giấy chứng nhận trang trại; đến nay toàn tỉnh có 596 trang trại¹, trong tháng cấp mới 13 giấy chứng nhận trang trại².

Hướng dẫn các hợp tác xã thực hiện các nội dung tiếp cận chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh. Đến nay có HTX Chè Tân Thái 168 giới thiệu quảng bá chè tại Lào; 14 HTX thành lập mới có phương án tổ chức sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; 01 HTX thực hiện tìm kiếm thị trường tại miền Bắc. Tiếp tục thực hiện dự án “Xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới liên kết với doanh nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm” trên địa bàn xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang”.

e) Xây dựng, quảng bá, bảo vệ thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm:

Tiếp tục phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại nông nghiệp Hà Nội giới thiệu và kết nối tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa nông sản trên địa bàn tỉnh đến các doanh nghiệp, siêu thị, của hàng thực phẩm sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội. Phối hợp với Phòng xúc tiến thương mại nông nghiệp kết nối tiêu thụ sản phẩm tại thị trường thành phố Hà Nội. Kết quả tiêu thụ một số sản phẩm hàng hóa nông sản tại thị trường Hà Nội tháng 5/2017 đối với 6 sản phẩm³. Tổ chức Tuần lễ giới thiệu sản phẩm nông sản Tuyên Quang tại thành phố Hà Nội.

Xây dựng Kế hoạch và tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, hợp tác xã trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp. Hỗ trợ kết nối thị trường và tôn vinh sản phẩm cho Hợp tác xã, doanh nghiệp⁴.

¹ Chiêm Hoá 70 trang trại, Hàm Yên 165 trang trại, Yên Sơn 161 trang trại, Sơn Dương 198 trang trại, Na Hang 01 trang trại, TP Tuyên Quang 01 trang trại.

² Yên Sơn: 11 Trang trại; Hàm Yên: 02 trang trại.

³ Lũy kế đến tháng 5/2017: Cam sành Hàm Yên 336 tấn (trong đó có 06 tấn cam VietGAP); chè Bát Tiên Mỹ Bằng 85 kg; chè Tân Thái Dương 60 kg; miến dong Hợp Thành 19,5 tấn; mật ong Tuyên Quang 1.918 lít; Phấn hoa: 805 kg; rượu ngô Na Hang 1.340 lít; rượu gạo men lá Tiên Huy: 3.200 lít.

⁴ - Hỗ trợ HTX sản xuất chè Tân Thái 168 tham gia Hội chợ nông sản Hợp tác xã, Liên hiệp HTX và doanh nghiệp lần thứ I, tại Công viên Thống Nhất, phố Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổ chức kiểm tra 13 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, qua kiểm tra phát hiện 02 cơ sở vi phạm, đã lập hồ sơ xử phạt với tổng số tiền 9 triệu đồng. Đã tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng và cấp 05 giấy xác nhận sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn theo chuỗi cung ứng cho 05 cơ sở.

g) Xây dựng, thực hiện các cơ chế chính sách:

Tiếp tục đôn đốc thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi và chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh, tạo nguồn vốn cho nhiều hộ dân phát triển sản xuất. Đến nay, Ngân hàng đã giải ngân cho vay được 226,03 tỷ đồng cho 2.639 hộ và 273 trang trại để phát triển sản xuất. Tổng kinh phí hỗ trợ đã giải ngân là 5.487,74 triệu đồng, trong đó: Hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết 12 là 2.752,78 triệu đồng và Nghị quyết 10 là 1.737,96 triệu đồng; Hỗ trợ sản xuất theo VietGAP: 897,0 triệu đồng/09 trang trại (*huyện Hàm Yên*); hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu sản phẩm: 100,0 triệu đồng/01 trang trại (*huyện Sơn Dương*).

Hoàn thành thẩm định 01 dự án liên kết giữa doanh nghiệp với Hợp tác xã và nông dân của Công ty cổ phần Giống- vật tư nông lâm nghiệp tỉnh.

Tiếp tục hoàn thiện 03 dự thảo chính sách: (1)-Quy định về hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020; (2)- Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao đến năm 2021; (3)- Chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Xây dựng dự thảo Quyết định ban hành giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và quy chế quản lý kinh phí cấp bù sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

h) Chương trình xây dựng nông thôn mới và phát triển nông thôn:

Tiếp tục hoàn thiện Đề án kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang theo ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ thẩm định.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới đến hết năm 2015 trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo quy định. Xây dựng kế hoạch tập huấn nghiệp vụ công tác xây dựng nông thôn mới năm 2017.

- Tham mưu văn bản đề cử 02 sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu (chè Bát tiên Mỹ Bằng, mật ong Tuyên Quang) tham gia Chương trình “Tôn vinh sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2016”.

- Tham mưu văn bản giới thiệu 03 sản phẩm (Cá Lăng, tinh bột nghệ Tiên Phát, chè đặc sản Vĩnh Tân) tham gia bình chọn danh hiệu “Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2017”.

Đôn đốc các huyện thực hiện di chuyển các hộ nằm trong vùng thiên tai nguy hiểm đến nơi ở mới đến nay đã di chuyển được 40 hộ/181 khẩu, đạt 45% kế hoạch⁵.

1.1.2. Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ nhân dân gắn với sân thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020.

Phối hợp với các ngành, UBND huyện, thành phố tập trung triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh, tiến độ thực hiện đến ngày 18/5/2017:

- Về thực hiện kế hoạch năm 2016: Đã thi công 39,842 km kênh mương, đạt 82,3%KH; bê tông hóa đường giao thông nội đồng và đường vào khu sản xuất hàng hóa được 69,07 km, đạt 100,7% KH; cung ứng xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên được 49/122 nhà.

- Về thực hiện Kế hoạch năm 2017: Đã cung ứng cấu kiện kênh bê tông đúc sẵn thực hiện kiên cố hóa kênh mương tương đương 31 km kênh, đạt 17%KH, đã thi công được 4,98m, đạt 2,7% Kế hoạch; Đã bê tông hóa đường giao thông nội đồng và đường vào khu sản xuất hàng hóa được 5km, đạt 5,7%KH.

1.2. Cải thiện môi trường đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế

Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*khóa XVI*) về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2017, định hướng đến năm 2020. Thực hiện nghiêm việc cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở cho các doanh nghiệp và người dân.

1.3. Tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư

Phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn; đôn đốc các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình.

2. Xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008. Thực hiện tốt việc niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “*Một cửa*”. Thường xuyên cập nhật đăng tải các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên trang

⁵ Huyện Lâm Bình 13 hộ, 64 khẩu; Na Hang 8 hộ - 36 khẩu; Chiêm Hóa 7 hộ - 30 khẩu; Hàm Yên 8 hộ - 34 khẩu và Yên Sơn 4 hộ - 17 khẩu.

thông tin điện tử của Sở, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tìm hiểu, giám sát và thực hiện.

Thường xuyên quán triệt thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở.

III. Đánh giá chung

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới năm 2017. Hướng dẫn, đôn đốc nhân dân tập trung thâm canh, chăm sóc các cây trồng vụ xuân đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

Tuy nhiên, còn một số khó khăn, hạn chế đó là:

- Kết quả trồng mới, trồng lại mía nguyên liệu đạt thấp so kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do nhiều diện tích đầu tư thâm canh kém, một số cây trồng khác đem lại hiệu quả thu nhập cao hơn nên một số hộ không muốn đầu tư trồng mía. Công tác xây dựng mô hình thâm canh mía năng suất cao, chất lượng tốt chưa được chú trọng thực hiện; diện tích phế canh vẫn ở mức cao, một số địa phương diện tích phế canh, luân canh cao hơn nhiều so với diện tích trồng mới.

- Sản lượng khai thác gỗ rừng đạt thấp so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân: Do giá cả và cơ chế thu mua của Nhà máy giấy An Hòa chưa hợp lý, nên không khuyến khích được việc khai thác và thu mua gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh.

- Tiến độ thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh quản lý thực hiện còn chậm so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân: Việc rà soát lập phương án sử dụng đất, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, lập bản đồ theo Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gặp nhiều khó khăn, do hiện tại các Công ty đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình rà soát để lập phương án sử dụng đất thì hiện trạng và diện tích trên bản đồ giao đất có sự sai khác so với hiện trạng thực tế nên mất nhiều thời gian để chỉnh lý. Diện tích rừng trồng của các công ty lớn, việc kiểm kê đánh giá tài sản rừng trồng phức tạp, đối với rừng trồng có trữ lượng phải thực hiện điều tra, đo điểm để tính toán sản lượng gỗ. Việc giải quyết diện tích bị lấn, bị chiếm gặp nhiều khó khăn (*Những diện tích các công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên hiện tại các hộ gia đình đang canh tác*).

IV. Nhiệm vụ, giải pháp tháng 6 năm 2017

1. Về đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, tập trung các khâu đột phá

1.1. Nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới

Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện 04 việc trọng tâm tỉnh giao và 58 việc trọng tâm các đơn vị năm 2017 và 44 việc thực hiện theo Thông số 443-TB/TU của Thường trực Tỉnh ủy theo đúng lộ trình kế hoạch đề ra. Trong đó tập trung hoàn thành các việc: Xây dựng, trình phê duyệt (1)-Quy định về hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020; (2)- Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao đến năm 2020; (3)- phương án chuyển đổi sắp xếp các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp: Chiêm hóa, Yên Sơn, Tuyên Bình, Sơn Dương; (4)- Chính sách khuyến khích phát triển tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Chủ động liên hệ để làm việc với các đơn vị trực thuộc Bộ nông nghiệp và PTNT về những kiến nghị với Bộ, Ngành, trung ương về hỗ trợ thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục phối hợp với các ngành, UBND các huyện thành phố bám sát cơ sở, tăng cường công tác hướng dẫn nhân dân tập trung chăm sóc, thu hoạch cây trồng vụ xuân và tổ chức sản xuất vụ mùa trong khung thời vụ tốt nhất. Tăng cường kiểm tra giám sát đồng ruộng, dự tính, dự báo chính xác tình hình sâu bệnh hại cây trồng và hướng dẫn nhân dân biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả không để sâu bệnh phát sinh thành dịch. Chỉ đạo, kiểm tra tu sửa, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, hồ chữa, phát dọn, nạo vét khơi thông dòng chảy kênh mương, gia cố đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa bão.

Tăng cường thực hiện kiểm tra chất lượng giống, vật tư trước, trong thời vụ sản xuất vụ mùa, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn; đảm bảo chất lượng giống, vật tư cung ứng cho sản xuất được kiểm tra theo Khung thời vụ.

Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc thực hiện tháo gỡ khó khăn trong chăn nuôi lợn. Chỉ đạo hệ thống thú y từ tỉnh đến cơ sở tăng cường đôn đốc, vận động các hộ chăn nuôi giữ vệ sinh sạch sẽ chuồng trại, xử lý chất thải, tiêu độc khử trùng theo đúng hướng dẫn của cơ quan thú y. Tham mưu hướng dẫn thực hiện Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2015-2020. Quản lý tốt việc khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang. Quản lý chất lượng giống thủy sản; nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả.

Đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị trồng rừng trên địa bàn phối hợp với UBND cấp xã đẩy nhanh tiến độ sản xuất lâm nghiệp năm 2017, nhất là việc khai thác gỗ rừng trồng. Chỉ đạo tổ chức tốt lực lượng trong quản lý bảo vệ rừng để tăng cường tuần tra, kiểm tra, chốt chặn tại các điểm nóng; ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, không để xảy ra "điểm nóng" về khai thác rừng trái phép; giám sát, quản lý hoạt động của các cơ sở kinh doanh, chế biến gỗ trên địa bàn theo đúng quy định; chủ động lực lượng, phương tiện phòng cháy chữa cháy rừng. Kiểm tra việc thực hiện Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 26/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chỉ đạo các đơn vị xây dựng các mô hình sản xuất, các chuỗi sản xuất sản phẩm nông nghiệp hàng hóa theo hình thức liên kết sản xuất giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác với doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hàng hóa; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; quy mô diện tích tối thiểu đối với Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nông sản hàng hóa.

Tiếp tục phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại nông nghiệp Hà Nội tổ chức quảng bá, giới thiệu và kết nối tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa nông sản trên địa bàn tỉnh đến các doanh nghiệp, siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch năm 2017. Tích cực huy động toàn xã hội tham gia, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn, trong đó ưu tiên xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất và hỗ trợ sản xuất hàng hóa để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

1.2. Cải thiện môi trường đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế

Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2017, định hướng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*khóa XVI*) về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016-2020. Thực hiện nghiêm việc cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết đối với 119 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở cho các doanh nghiệp và người dân.

Chủ động phối hợp với các Doanh nghiệp đang đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp để tháo gỡ khó khăn, tiếp cận các chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

1.3. Tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư

Phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Đôn đốc các đơn vị trực thuộc tập trung thi công các công trình được giao làm chủ đầu tư. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án; đẩy nhanh tiến độ thi công Kênh Parabol thành mông đúc sẵn để hoàn thành khối lượng và giải ngân 100% vốn kế hoạch giao năm 2016, đồng thời tập trung triển khai thực hiện kế hoạch năm 2017.

2. Xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Thường xuyên duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008. Thực hiện tốt việc niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa”. Tiếp tục áp dụng phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Chi thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:nh

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Đảng ủy Sở;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KH-TC.

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Nông

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP-THỦY SẢN CHỦ YẾU
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVI, NHIỆM KỲ 2015-2020**

(Kèm theo Báo cáo số 996/BC-SNN, ngày 19/5/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVI	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện cùng kỳ năm trước (20 tháng 5 năm 2016)	Kế hoạch năm báo cáo (năm 2017)		Kết quả thực hiện (đến 19/5/2017)						So sánh kết quả năm 2016 so với kế hoạch lộ trình thực hiện mục tiêu NQ đại hội
							Kế hoạch được giao năm báo cáo (năm 2017)	Trong đó: Kế hoạch kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo (tháng 5/2017)		Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo				
									Kết quả thực hiện kỳ báo cáo	So sánh TH/KH (%)	Kết quả thực hiện lũy kế	So sánh thực hiện với kế hoạch năm (%)	So sánh thực hiện với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh thực hiện với mục tiêu NQĐH XVI (%)	
1	2	3	4	5.1	5.2	6	7	8	9	10=9/8	11	12=11/7	13=11/6	14=11/4	15
I	Chỉ tiêu tổng hợp														
1	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng		7.144,1	7.431,7		7.733,7								
	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân/năm	%	>4	4,087	4,0		4,064								đạt
2	Sản lượng lương thực	Tấn/năm	>330000	348.259	346.286		336.627								đạt
3	Bình quân lương thực/người/năm	kg	400	458	452										đạt
II	Cây trồng chủ lực														
1	Lâm nghiệp														
1.1	Diện tích trồng rừng tập trung	ha	53.000	13.868	10.537	7.160	11.400				8.265	72,5	115,4		46,0
1.2	Diện tích trồng rừng nguyên liệu	ha	>130000	144.492	182.280										đạt
1.3	Năng suất gỗ rừng trồng bình quân	m3/ha	100	75	80										đạt

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVI	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện cùng kỳ năm trước (20 tháng 5 năm 2016)	Kế hoạch năm báo cáo (năm 2017)		Kết quả thực hiện (đến 19/5/2017)						So sánh kết quả năm 2016 so với kế hoạch lộ trình thực hiện mục tiêu NQ đại hội	
							Kế hoạch được giao năm báo cáo (năm 2017)	Trong đó: Kế hoạch kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo (tháng 5/2017)		Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo					
									Kết quả thực hiện kỳ báo cáo	So sánh TH/KH (%)	Kết quả thực hiện lũy kế	So sánh thực hiện với kế hoạch năm (%)	So sánh thực hiện với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh thực hiện với mục tiêu NQĐH XVI (%)		
1.4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	>60	>60	>60		>60				>60					đạt
2	Cây mía															
	Diện tích mía nguyên liệu	ha	>15500	11.611	11.225	1420 (DT trồng mới, trồng lại)	12.283				2216,6 ha/2826 ha (trồng mới, trồng lại)	78,4	156,0			không đạt
	Năng suất mía	tấn/ha	80	59,48	61		66,70									không đạt
3	Cây chè															
	Diện tích chè	ha	>8800	8.748,5	8.860	8.738,7	8.726				8.860	102	101			đạt
	Diện tích cho sản phẩm	ha		8.253	8.328		8.210									
	Năng suất chè	tạ/ha	90	76,50	79,0		80,0									đạt
4	Cây cam															
	Diện tích	ha	5.500	5.491	7.810	5.540	6.096,0				7.813,0	128	141			đạt
	Diện tích cho sản phẩm	ha		3.996	4.620											
	Năng suất	tạ/ha	150	123,34	132,04											đạt
5	Cây lạc															
	Diện tích	ha	>4500	4.374	4.317	3.134	4.201				3.232	77	103			đạt

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVI	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện cùng kỳ năm trước (20 tháng 5 năm 2016)	Kế hoạch năm báo cáo (năm 2017)		Kết quả thực hiện (đến 19/5/2017)						So sánh kết quả năm 2016 so với kế hoạch lộ trình thực hiện mục tiêu NQ đại hội
							Kế hoạch được giao năm báo cáo (năm 2017)	Trong đó: Kế hoạch kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo (tháng 5/2017)		Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo				
									Kết quả thực hiện kỳ báo cáo	So sánh TH/KH (%)	Kết quả thực hiện lũy kế	So sánh thực hiện với kế hoạch năm (%)	So sánh thực hiện với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh thực hiện với mục tiêu NQĐH XVI (%)	
	Năng suất	tạ/ha	32	26,0	27,2		29,40								đạt
III	Chăn nuôi														
1	Đàn trâu tăng hàng năm	%	2,00	3,40	3,20		2,00								đạt
2	Đàn bò tăng hàng năm	%	5,00	10,40	41,60		5,00								đạt
3	Đàn lợn tăng hàng năm	%	6,00	6,60	5,90		6,00								chưa đạt
4	Đàn gia cầm tăng hàng năm	%	6,70	6,40	4,70		6,70								chưa đạt
IV	Thủy sản														
1	Diện tích nuôi thả cá	ha	12.200	11.268	11.282,8		11.288								đạt
2	Sản lượng thủy sản	Tấn	>8000	6.824	6.865,0		7.498								chưa đạt
V	Xây dựng nông thôn mới														
1	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	40	10	16		23								đạt
2	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	30	7,75	12,40		17,80								
3	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	95	75,00	78,00		82,00								đạt